

THÔNG TƯ

Quy định về hoạt động xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia của Bộ Công Thương

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14 và Luật số 70/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 22/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 40/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 109/2025/NĐ-CP, Nghị định số 193/2025/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công;

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định về hoạt động xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia của Bộ Công Thương.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về hoạt động xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia của Bộ Công Thương.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các đơn vị thuộc Bộ Công Thương và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Kinh phí cho hoạt động xây dựng, áp dụng, phổ biến tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia

1. Nguồn kinh phí cho hoạt động xây dựng, áp dụng và phổ biến tiêu chuẩn quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia của Bộ Công Thương bao gồm: ngân sách nhà nước về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cho hoạt động tiêu chuẩn, hoạt động quy chuẩn kỹ thuật; ngân sách nhà nước khác được cấp có thẩm quyền phê duyệt, điều chỉnh theo dự toán ngân sách nhà nước

hàng năm; các khoản hỗ trợ tự nguyện của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước và các nguồn khác theo quy định của pháp luật.

2. Kinh phí cho hoạt động xây dựng dự thảo Thông tư ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia được bố trí từ ngân sách nhà nước giao cho nhiệm vụ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

Kinh phí cho hoạt động nghiên cứu, khảo sát, đánh giá các cơ sở khoa học và thực tiễn để phục vụ xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia được xem xét bố trí từ ngân sách nhà nước về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số và các nguồn khác theo quy định của pháp luật.

3. Nội dung chi, dự toán và quyết toán kinh phí từ các nguồn kinh phí thực hiện theo quy định pháp luật có liên quan.

Điều 4. Nguyên tắc xác định đối tượng của hoạt động tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia của Bộ Công Thương

1. Lĩnh vực tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Công Thương được Chính phủ phân công tại Nghị định số 40/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 109/2025/NĐ-CP, Nghị định số 193/2025/NĐ-CP và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

2. Việc xây dựng, ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia của Bộ Công Thương đảm bảo nguyên tắc quy định tại Điều 26a Luật số 68/2006/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14 và Luật số 70/2025/QH15.

Trong trường hợp có sự chồng chéo, giao thoa về đối tượng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giữa các đơn vị thuộc Bộ Công Thương, Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định đơn vị chủ trì xây dựng và trình ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.

Điều 5. Cơ sở dữ liệu về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng của Bộ Công Thương

1. Cơ sở dữ liệu về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng của Bộ Công Thương bao gồm các thông tin quy định tại khoản 3 Điều 10 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP và được cập nhật, chia sẻ vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.

2. Các đơn vị thuộc Bộ thực hiện việc chia sẻ, cập nhật dữ liệu kịp thời vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng theo quy định.

Điều 6. Hợp tác quốc tế về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật

1. Hợp tác quốc tế về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật được thực hiện theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

2. Căn cứ thực tiễn quản lý nhà nước trong lĩnh vực, các đơn vị quản lý ngành, lĩnh vực thuộc Bộ nghiên cứu, đề xuất nội dung hợp tác quốc tế về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.

Điều 7. Thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau và thừa nhận đơn phương kết quả đánh giá sự phù hợp

1. Thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau và thừa nhận đơn phương kết quả đánh giá sự phù hợp được thực hiện theo quy định tại Điều 40 và Điều 41 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP và quy định pháp luật có liên quan.

2. Các đơn vị quản lý ngành, lĩnh vực thuộc Bộ đề xuất và tổ chức thực hiện các thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau và thừa nhận đơn phương kết quả đánh giá sự phù hợp theo quy định tại Điều 40 và Điều 41 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP và quy định pháp luật có liên quan.

Chương II

XÂY DỰNG VÀ ÁP DỤNG TIÊU CHUẨN QUỐC GIA (TCVN)

Điều 8. Kế hoạch xây dựng TCVN

1. Kế hoạch xây dựng TCVN hằng năm, năm năm, bổ sung, sửa đổi được lập theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật và quy định tại Thông tư này.

Thời gian lập kế hoạch xây dựng TCVN như sau:

- a) Kế hoạch năm năm được lập vào năm trước năm thứ nhất của kỳ kế hoạch;
- b) Kế hoạch hằng năm được lập trước ngày 01 tháng 12 hằng năm và có thể được sửa đổi, bổ sung Kế hoạch trước 30 tháng 6 của năm thực hiện kế hoạch.

2. Căn cứ Chiến lược tiêu chuẩn quốc gia, yêu cầu phát triển ngành, lĩnh vực, nhu cầu quản lý nhà nước và văn bản đề nghị của cơ quan có thẩm quyền, các đơn vị thuộc Bộ, các tổ chức khoa học và công nghệ và các tổ chức, cá nhân khác gửi đề nghị xây dựng TCVN theo kế hoạch năm năm và hằng năm về Bộ Công Thương (qua Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công).

3. Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công rà soát, xét duyệt theo quy định của pháp luật; tổng hợp, lập hồ sơ đề xuất Kế hoạch xây dựng TCVN và báo cáo Lãnh đạo Bộ ký văn bản gửi Bộ Khoa học và Công nghệ đề xuất Kế hoạch xây dựng TCVN của Bộ Công Thương để tổng hợp và tổ chức xem xét, phê duyệt.

Hồ sơ đề xuất kế hoạch TCVN năm năm và hồ sơ đề xuất kế hoạch TCVN hằng năm thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP và quy định pháp luật có liên quan.

Điều 9. Xây dựng, đề nghị thẩm định, công bố TCVN

1. Trình tự, thủ tục xây dựng dự thảo TCVN được thực hiện như sau:

a) Dự thảo TCVN xây dựng theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 1 Điều 14 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP và các quy định có liên quan;

b) Trường hợp xây dựng dự thảo TCVN theo trình tự, thủ tục rút gọn:

Bộ trưởng quyết định việc áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn đối với tiêu chuẩn quốc gia do Bộ Công Thương chủ trì xây dựng trên cơ sở đề xuất của đơn vị chủ trì, ý kiến của Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công.

Các đơn vị chủ trì xây dựng thực hiện trình tự, thủ tục rút gọn theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP và các quy định có liên quan;

c) Xây dựng dự thảo TCVN đối với đối tượng thuộc danh mục bí mật nhà nước được thực hiện theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP và các quy định có liên quan.

2. Trình bày và thể hiện nội dung dự thảo TCVN được thực hiện theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật có liên quan.

3. Đề nghị thẩm định, công bố TCVN

a) Sau khi hoàn thành việc nghiên cứu, xây dựng dự thảo TCVN theo Kế hoạch được phê duyệt, đơn vị chủ trì soạn thảo gửi hồ sơ thẩm định dự thảo TCVN về Bộ Công Thương (Qua Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công);

b) Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công chủ trì, phối hợp các đơn vị thuộc Bộ có liên quan rà soát hồ sơ thẩm định dự thảo TCVN; báo cáo Lãnh đạo Bộ ký văn bản chuyển Bộ Khoa học và Công nghệ để thẩm định;

c) Trường hợp cần tiếp tục hoàn thiện hồ sơ dự thảo TCVN theo ý kiến thẩm định, các đơn vị chủ trì xây dựng có trách nhiệm tiếp thu, hoàn thiện hồ sơ và gửi về Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công trong thời hạn 70 ngày kể từ ngày có thông báo thẩm định để rà soát, báo cáo Lãnh đạo Bộ ký văn bản chuyển Bộ Khoa học và Công nghệ để công bố;

d) Trường hợp xây dựng dự thảo TCVN theo trình tự, thủ tục rút gọn, các đơn vị chủ trì xây dựng đề nghị thẩm định, công bố TCVN theo quy định tại điểm a, điểm b và điểm c khoản 3 Điều này;

đ) Trường hợp xây dựng xây dựng dự thảo TCVN đối với đối tượng thuộc danh mục bí mật nhà nước, đơn vị chủ trì gửi hồ sơ thẩm định dự thảo TCVN về Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công để tổ chức thẩm định theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật và quy định pháp luật khác có liên quan.

Đơn vị chủ trì xây dựng dự thảo TCVN đối với đối tượng thuộc danh mục bí mật nhà nước hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến thẩm định, chuyển Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công để báo cáo Lãnh đạo Bộ xem xét, công bố.

Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công thông báo tới Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố TCVN.

4. Hồ sơ dự thảo TCVN

Các đơn vị được giao chủ trì xây dựng dự thảo TCVN lập hồ sơ thẩm định dự thảo TCVN và chịu trách nhiệm đối với nội dung dự thảo TCVN, cụ thể:

a) Hồ sơ thẩm định dự thảo TCVN theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 14 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP;

b) Hồ sơ thẩm định dự thảo TCVN theo trình tự, thủ tục rút gọn theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 23 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP;

c) Hồ sơ thẩm định, hồ sơ công bố TCVN đối với đối tượng thuộc danh mục bí mật nhà nước thực hiện theo quy định tại điểm c, điểm d khoản 2 Điều 24 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP.

Điều 10. Đính chính, rà soát, đánh giá hiệu quả áp dụng TCVN, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế TCVN

1. Việc đính chính, rà soát, đánh giá hiệu quả áp dụng TCVN, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế thực hiện theo quy định tại Điều 17, Điều 18, Điều 19, Điều 20, Điều 21 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP và các quy định có liên quan.

2. Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công chủ trì, phối hợp các đơn vị thuộc Bộ tổ chức rà soát, đánh giá hiệu quả áp dụng TCVN do Bộ Công Thương chủ trì xây dựng.

Kết quả rà soát, đánh giá là căn cứ để đề xuất sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc thay thế TCVN.

Điều 11. Phổ biến, hướng dẫn áp dụng tiêu chuẩn quốc gia

1. Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công chủ trì, phối hợp các đơn vị thuộc Bộ, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan lập Kế hoạch phổ biến, hướng dẫn áp dụng TCVN do Bộ Công Thương chủ trì xây dựng hoặc TCVN liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương và trình Bộ trưởng xem xét, phê duyệt trước ngày 31 tháng 12 hằng năm.

2. Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công chủ trì tổ chức triển khai Kế hoạch sau khi phê duyệt.

Chương III

XÂY DỰNG, BAN HÀNH VÀ ÁP DỤNG QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA (QCVN)

Điều 12. Kế hoạch xây dựng QCVN

1. Thời gian lập và phê duyệt Kế hoạch:

a) Kế hoạch xây dựng QCVN năm năm được lập và phê duyệt vào trước ngày 15 tháng 12 năm trước năm bắt đầu kế hoạch năm năm;

b) Kế hoạch xây dựng QCVN hằng năm được lập và phê duyệt vào trước ngày 15 tháng 12 năm trước năm thực hiện kế hoạch.

2. Căn cứ chiến lược, quy hoạch, định hướng phát triển ngành, lĩnh vực, ý kiến chỉ đạo của cấp có thẩm quyền và yêu cầu quản lý nhà nước, các đơn vị thuộc Bộ gửi đề xuất kế hoạch xây dựng QCVN về Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công để tổng hợp và tổ chức xét duyệt theo quy định.

Mẫu kế hoạch xây dựng QCVN năm năm và Mẫu kế hoạch xây dựng QCVN hằng năm của Bộ Công Thương quy định tại Phụ lục kèm theo Thông tư này.

3. Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công báo cáo Lãnh đạo Bộ về dự thảo kế hoạch xây dựng QCVN để xem xét, gửi lấy ý kiến bằng văn bản đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định tại Điều 26 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP.

4. Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công chủ trì, phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ xử lý các ý kiến góp ý và hoàn chỉnh dự thảo Kế hoạch xây dựng QCVN trước khi báo cáo Lãnh đạo Bộ xem xét, phê duyệt Kế hoạch xây dựng QCVN.

Sau khi được phê duyệt, Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công phối hợp với Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số đăng tải công khai Kế hoạch xây dựng QCVN của Bộ Công Thương trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và gửi Báo Công Thương để đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Kế hoạch được phê duyệt.

5. Căn cứ vào thực tiễn triển khai Kế hoạch đã phê duyệt và yêu cầu quản lý nhà nước, các đơn vị quản lý thuộc Bộ gửi đề xuất điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch xây dựng QCVN về Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công theo quy định tại Điều này.

Điều 13. Xây dựng dự thảo QCVN

1. Trình tự, thủ tục xây dựng dự thảo QCVN được thực hiện theo quy định tại điểm a, điểm b và điểm c khoản 1 Điều 27 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Xây dựng dự thảo QCVN theo trình tự, thủ tục rút gọn

a) Bộ trưởng quyết định việc áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn đối với các dự thảo QCVN cụ thể trên cơ sở báo cáo đề xuất của đơn vị chủ trì, ý kiến của Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công và ý kiến của Bộ Khoa học và Công nghệ trong quá trình xét lập kế hoạch QCVN.

b) Việc xây dựng dự thảo QCVN theo trình tự, thủ tục rút gọn được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP và các quy định pháp luật có liên quan.

3. Trình tự, thủ tục xây dựng dự thảo QCVN đối với đối tượng thuộc danh mục bí mật nhà nước thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 28 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP và các quy định pháp luật có liên quan.

4. Báo cáo đánh giá tác động dự thảo QCVN được thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 27 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP.

Điều 14. Thẩm định hồ sơ dự thảo QCVN

1. Các đơn vị chủ trì xây dựng dự thảo QCVN gửi đề nghị thẩm định hồ sơ dự thảo QCVN về Vụ Pháp chế để chủ trì, tổ chức việc thẩm định. Thành phần hồ sơ gửi thẩm định theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Thông tư 47/2025/TT-BCT và hồ sơ dự thảo QCVN theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 27 Nghị định 22/2026/NĐ-CP.

2. Vụ Pháp chế gửi văn bản đề nghị Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công đề xuất thành viên Hội đồng thẩm định hồ sơ dự thảo QCVN trước khi Vụ Pháp chế báo cáo Lãnh đạo Bộ phê duyệt Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Thành phần Hội đồng thẩm định hồ sơ dự thảo QCVN đảm bảo phù hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều 27 Nghị định 22/2026/NĐ-CP, bao gồm: Chủ tịch Hội đồng, các thành viên theo quy định và Thư ký Hội đồng. Thành viên Tổ soạn thảo dự thảo QCVN không được là thành viên Hội đồng thẩm định.

3. Hội đồng thẩm định thực hiện việc thẩm định 02 nội dung: Lãnh đạo Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công chủ trì thẩm định hồ sơ dự thảo QCVN theo các nội dung quy định tại Điều 33 Luật số 68/2006/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14 và Luật số 70/2025/QH15. Lãnh đạo Vụ Pháp chế chủ trì thẩm định dự thảo Thông tư ban hành QCVN theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Thư ký Hội đồng thẩm định đối với nội dung thẩm định hồ sơ dự thảo QCVN là công chức Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công. Thư ký Hội đồng thẩm định đối với nội dung thẩm định dự thảo Thông tư ban hành QCVN là công chức Vụ Pháp chế.

Trường hợp dự thảo QCVN do Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công chủ trì xây dựng, Vụ Pháp chế báo cáo Bộ trưởng chỉ định đơn vị thẩm định hồ sơ dự thảo QCVN.

Kết quả thẩm định các nội dung được lập thành biên bản thẩm định. Vụ Pháp chế chịu trách nhiệm đối với biên bản thẩm định dự thảo Thông tư ban hành QCVN, Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công chịu trách nhiệm đối với biên bản thẩm định hồ sơ dự thảo QCVN.

4. Trên cơ sở các biên bản tại khoản 3 Điều này, Vụ Pháp chế tổng hợp, lập báo cáo thẩm định gửi đơn vị chủ trì xây dựng dự thảo QCVN để nghiên cứu, tiếp thu, chỉnh lý và hoàn thiện dự thảo QCVN.

Điều 15. Lấy ý kiến Bộ Khoa học và Công nghệ

Đơn vị chủ trì xây dựng dự thảo QCVN hoàn thiện hồ sơ dự thảo QCVN theo kết luận của Hội đồng thẩm định và báo cáo, trình Lãnh đạo Bộ phụ trách ký văn bản lấy ý kiến Bộ Khoa học và Công nghệ. Hồ sơ gửi lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 27 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP và các quy định có liên quan.

Điều 16. Hoàn thiện hồ sơ dự thảo QCVN và trình ban hành QCVN

1. Đơn vị chủ trì xây dựng dự thảo QCVN rà soát, tiếp thu hoàn chỉnh hồ sơ QCVN theo ý kiến thẩm định của Hội đồng thẩm định hồ sơ dự thảo QCVN, góp ý của Bộ Khoa học và Công nghệ và báo cáo, trình Lãnh đạo Bộ xem xét, ban hành theo quy định của pháp luật về xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Hồ sơ trình ban hành QCVN theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 27 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP.

2. Trong quá trình hoàn thiện dự thảo QCVN, các ý kiến bảo lưu so với ý kiến thẩm định của Hội đồng thẩm định hồ sơ dự thảo QCVN và ý kiến góp ý của Bộ Khoa học và Công nghệ phải được nêu rõ tại Tờ trình ban hành QCVN.

Điều 17. Trình bày và thể hiện nội dung dự thảo QCVN

Trình bày và thể hiện nội dung dự thảo QCVN được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 18. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế và đính chính QCVN

1. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế và đính chính QCVN thực hiện theo quy định tại Điều 32, Điều 33, Điều 34 và Điều 36 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP.

2. Trình tự, thủ tục sửa đổi, bổ sung, thay thế QCVN được thực hiện theo trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành QCVN quy định tại Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 15 và Điều 16 Thông tư này.

3. Đơn vị chủ trì xây dựng QCVN có trách nhiệm rà soát và đề xuất Lãnh đạo Bộ về đính chính, bãi bỏ QCVN theo quy định pháp luật.

Kết quả đính chính, bãi bỏ QCVN được thông báo về Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công để tổng hợp, cập nhật trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.

Điều 19. Đăng ký QCVN, phổ biến, hướng dẫn áp dụng QCVN

1. Các đơn vị chủ trì xây dựng QCVN thông báo đến Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công về QCVN đã được Lãnh đạo Bộ ký ban hành để tổng hợp, gửi Bộ Khoa học và Công nghệ đăng ký theo quy định tại Điều 35 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP.

2. Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công chủ trì, phối hợp các đơn vị thuộc Bộ, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan lập Kế hoạch phổ biến, hướng dẫn áp dụng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Công Thương chủ trì xây dựng và trình Bộ trưởng xem xét, phê duyệt trước ngày 31 tháng 12 hằng năm.

Các đơn vị chủ trì xây dựng QCVN tổ chức triển khai Kế hoạch sau khi phê duyệt liên quan đến nội dung được phân công.

Điều 20. Hồ sơ và lưu trữ hồ sơ dự thảo QCVN

1. Hồ sơ dự thảo QCVN được lập theo quy định, bao gồm: hồ sơ lấy ý kiến dự thảo QCVN; hồ sơ thẩm định dự thảo QCVN; hồ sơ trình ban hành QCVN.

2. Lưu trữ hồ sơ như sau:

a) Đơn vị chủ trì soạn thảo lưu trữ toàn bộ hồ sơ lấy ý kiến dự thảo QCVN; hồ sơ đề nghị thẩm định dự thảo QCVN và hồ sơ ban hành QCVN;

b) Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công lưu trữ hồ sơ thẩm định QCVN.

3. Thời hạn lưu trữ hồ sơ theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 21. Quản lý và cấp số hiệu QCVN

1. Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công quản lý và cấp số hiệu QCVN của Bộ Công Thương.

2. Các đơn vị chủ trì xây dựng QCVN gửi văn bản đến Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công đề nghị cấp số hiệu QCVN sau khi Lãnh đạo Bộ ký ban hành QCVN.

3. Văn phòng Bộ phát hành Thông tư ban hành QCVN sau khi có văn bản cấp số hiệu QCVN của Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công.

Điều 22. Rà soát, đánh giá hiệu quả việc áp dụng QCVN

1. Đơn vị chủ trì xây dựng dự thảo QCVN tổ chức rà soát, đánh giá hiệu quả việc áp dụng QCVN định kỳ năm năm hoặc sớm hơn khi cần thiết, kể từ ngày ban hành.

2. Đánh giá hiệu quả việc áp dụng QCVN thực hiện theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 23. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Bộ Công Thương

1. Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công

a) Chủ trì, phối hợp các đơn vị thuộc Bộ và các cơ quan, tổ chức liên quan xây dựng và trình Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành các chương trình, kế hoạch và văn bản quy phạm pháp luật chung về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

b) Đầu mối tham mưu giúp Bộ trưởng Bộ Công Thương thống nhất quản lý hệ thống tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Công Thương xây dựng, ban hành; quản lý và cấp số hiệu QCVN của Bộ Công Thương;

c) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ lập và trình Bộ trưởng ban hành Kế hoạch xây dựng QCVN năm năm, hằng năm của Bộ Công Thương; lập đề xuất Kế hoạch xây dựng TCVN của Bộ Công Thương gửi Bộ Khoa học và

Công nghệ tổng hợp, phê duyệt; lập và trình Bộ trưởng phê duyệt Kế hoạch phổ biến, áp dụng TCVN, Kế hoạch phổ biến, áp dụng QCVN và tổ chức thực hiện theo Kế hoạch phê duyệt;

d) Chủ trì thẩm định hồ sơ dự thảo QCVN, hồ sơ dự thảo TCVN thuộc danh mục bí mật nhà nước theo quy định tại Thông tư này và các quy định pháp luật có liên quan;

đ) Chủ trì xây dựng và trình cấp có thẩm quyền công bố, ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ, đình chính TCVN, QCVN thuộc lĩnh vực được phân công quản lý và các lĩnh vực khác theo phân công của Lãnh đạo Bộ; chịu trách nhiệm về nội dung TCVN, QCVN do Cục chủ trì xây dựng thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước được phân công; chủ trì rà soát, đánh giá hiệu quả áp dụng đối với các TCVN do Bộ Công Thương chủ trì xây dựng; rà soát, đánh giá hiệu quả QCVN do Cục chủ trì xây dựng;

e) Quản lý, hướng dẫn hoạt động chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia cho các đối tượng thuộc lĩnh vực được phân công quản lý theo quy định của pháp luật;

g) Đầu mối hướng dẫn Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố tổ chức việc thực hiện đăng ký hoạt động đánh giá sự phù hợp chuyên ngành đối với lĩnh vực quản lý của Bộ Công Thương; thực hiện kiểm tra việc giải quyết các thủ tục hành chính liên quan đến lĩnh vực quản lý của Bộ Công Thương quy định tại Nghị định số 22/2026/NĐ-CP và Thông tư này do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố tổ chức việc thực hiện;

h) Đầu mối phối hợp các đơn vị thuộc Bộ tổng hợp và quản lý dữ liệu về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng;

i) Đề xuất phân bổ kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cho hoạt động tiêu chuẩn quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia của Bộ Công Thương;

k) Chủ trì nghiên cứu, đề xuất Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc ký kết các thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau về kết quả đánh giá sự phù hợp và thừa nhận đơn phương kết quả đánh giá sự phù hợp thuộc lĩnh vực quản lý;

l) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Lãnh đạo Bộ giao trong trường hợp cụ thể; đầu mối về hợp tác quốc tế trong lĩnh vực tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của Bộ Công Thương.

2. Vụ Pháp chế

Chủ trì việc thẩm định dự thảo Thông tư ban hành QCVN theo quy định tại Thông tư này và quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

3. Các đơn vị thuộc Bộ

a) Chủ trì đề xuất kế hoạch xây dựng TCVN, QCVN năm năm, hằng năm trong lĩnh vực được phân công quản lý và gửi về Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyên đội xanh và Khuyến công để tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng Bộ Công Thương xem xét, phê duyệt; rà soát, đánh giá hiệu quả áp dụng QCVN theo quy định;

b) Chủ trì xây dựng và trình cấp có thẩm quyền công bố, ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ, đình chính TCVN, QCVN thuộc lĩnh vực được phân công quản lý;

c) Chịu trách nhiệm về nội dung TCVN do đơn vị chủ trì xây dựng và nội dung QCVN cho các đối tượng thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ;

d) Quản lý, hướng dẫn hoạt động chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia cho các đối tượng thuộc lĩnh vực được phân công quản lý theo quy định của pháp luật;

đ) Cung cấp thông tin, cập nhật kịp thời dữ liệu về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng thuộc chức năng quản lý vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng theo quy định;

e) Chủ trì nghiên cứu, đề xuất Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc ký kết các thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau về kết quả đánh giá sự phù hợp và thừa nhận đơn phương kết quả đánh giá sự phù hợp thuộc lĩnh vực quản lý;

g) Phối hợp với Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyên đội xanh và Khuyến công trong việc triển khai thực hiện quy định của pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật;

h) Tiếp nhận và xử lý thông tin cảnh báo từ các nước về sản phẩm, hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Công Thương không đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các quy định có liên quan;

i) Thực hiện các nhiệm vụ khác khi được phân công.

4. Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số

a) Đầu mối của Bộ Công Thương chủ trì việc kết nối, đảm bảo hoạt động của Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng theo phân cấp, phân quyền.

b) Phối hợp với Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyên đội xanh và Khuyến công trong việc hướng dẫn các đơn vị thuộc Bộ sử dụng và cập nhật, chia sẻ các dữ liệu theo quy định.

5. Vụ Chính sách thương mại đa biên

Chủ trì việc điều phối đàm phán, thực thi nội dung về hội nhập kinh tế quốc tế trong các tổ chức quốc tế và các hiệp định thương mại tự do (FTA) và các điều ước quốc tế có nội dung điều chỉnh về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

6. Vụ Phát triển thị trường nước ngoài

a) Phối hợp thu thập thông tin về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của nước ngoài theo đề nghị của các đơn vị thuộc Bộ để phục vụ nghiên cứu xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Công Thương;

b) Phối hợp các đơn vị thuộc Bộ nghiên cứu, đề xuất và và báo cáo Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc ký kết các thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau về kết quả đánh giá sự phù hợp và thừa nhận đơn phương kết quả đánh giá sự phù hợp thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

7. Cục Xuất Nhập khẩu

Đầu mối công tác thông báo và hỏi đáp về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong khuôn khổ Hiệp định về hàng rào kỹ thuật trong thương mại của Tổ chức Thương mại Thế giới.

Điều 24. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân chủ trì xây dựng dự thảo TCVN, QCVN


Các tổ chức, cá nhân được Bộ Công Thương giao chủ trì nghiên cứu, rà soát, đánh giá và xây dựng dự thảo TCVN, QCVN có trách nhiệm:

1. Tổ chức, thực hiện theo quy định tại Thông tư này.
2. Chịu trách nhiệm về nội dung, tiến độ và sử dụng kinh phí nghiên cứu xây dựng dự thảo TCVN, QCVN theo quy định.

Điều 25. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 29 tháng 4 năm 2026.
2. Thông tư số 46/2014/TT-BCT ngày 03 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về hoạt động xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia của Bộ Công Thương hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Điều 26. Trách nhiệm thi hành

1. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Công Thương và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Thông tư này.
 2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn trong Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.
- 

3. Trong quá trình thực hiện có vấn đề phát sinh hoặc vướng mắc, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời bằng văn bản về Bộ Công Thương (qua Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công) để được hướng dẫn hoặc nghiên cứu sửa đổi, bổ sung./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Văn phòng Tổng bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao; Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- UBND, HĐND các tỉnh, thành phố;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Các Lãnh đạo Bộ;
- Các đơn vị thuộc Bộ Công Thương;
- Công thông tin điện tử Chính phủ; Công thông tin điện tử Bộ Công Thương;
- Công báo;
- Lưu: VT, ĐCK (5b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Sinh Nhật Tân

Phụ lục

(Ban hành kèm theo Thông tư số 2 2/2026/TT-BCT ngày 29 tháng 4 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

**Mẫu 1: KẾ HOẠCH XÂY DỰNG QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA
(NĂM....)**

BỘ CÔNG THƯƠNG**KẾ HOẠCH XÂY DỰNG QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA NĂM ...****I. PHẦN THUYẾT MINH:**

1. Căn cứ pháp lý
2. Mục tiêu xây dựng
3. Phạm vi và đối tượng điều chỉnh
4. Tài liệu làm căn cứ xây dựng

II. BẢNG TỔNG HỢP

TT	Chuyên ngành/ Lĩnh vực/đối tượng QCVN	Tên QCVN	Loại QCVN	Cơ quan, tổ chức biên soạn xây dựng Dự thảo QCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến (triệu đồng)			Ghi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	Tổng số	NSNN	Nguồn khác	
1	Chuyên ngành A									
1.1	Lĩnh vực...									
1.1.1	Đối tượng....									
									
2.	Chuyên ngành B									
2.1	Lĩnh vực...									
2.1.1	Đối tượng....									
									

Mẫu 2.

KẾ HOẠCH NĂM NĂM XÂY DỰNG QUY CHUẨN KỸ THUẬT

BỘ CÔNG THƯƠNG

KẾ HOẠCH NĂM NĂM XÂY DỰNG QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA

Từ năm ... đến năm ...

I. PHẦN THUYẾT MINH:

1. Định hướng phát triển kinh tế - xã hội, chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực
2. Mục tiêu kế hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia:
 - Phân tích, đánh giá thực trạng quản lý trong lĩnh vực chuyên ngành được phân công;
 - Xác định nhu cầu xây dựng QCVN trong từng lĩnh vực;
 - Xác định đối tượng cụ thể và loại QCVN cần xây dựng.
3. Phương thức xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia
4. Tổng số QCVN cần xây dựng cho từng chuyên ngành, lĩnh vực, đối tượng
5. Nguồn lực cho việc thực hiện kế hoạch
6. Lộ trình thực hiện kế hoạch
7. Các giải pháp thực hiện kế hoạch
8. Các phụ lục kèm theo (nếu có)



II. PHÂN TỔNG HỢP

3

TT	Chuyên ngành/Lĩnh vực/đối tượng cụ thể QCVN	Loại QCVN	Số lượng QCVN cần xây dựng						Kinh phí dự kiến (triệu đồng)			Ghi chú	
			Tổng số	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Năm 5	Tổng số	NSNN	Nguồn khác		
1	Chuyên ngành A												
1.1	Lĩnh vực...												
1.1.1	Đối tượng....												
												
2	Chuyên ngành B												
2.1	Lĩnh vực...												
2.1.1	Đối tượng												

X